

Số: /BC-UBND

Ngọc Liên, ngày tháng 03 năm 2026

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo quý I năm 2026.**

Thực hiện Công văn số 818/TTTH-P4 ngày 04 tháng 03 năm 2026 của Thanh tra tỉnh Thanh Hóa về việc báo cáo kết quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo quý I năm 2026 thời điểm báo cáo từ ngày 20/11/2025 đến ngày 10/03/2026 xã Ngọc Liên báo cáo kết quả thực hiện như sau:

#### **I. TÌNH HÌNH KHIẾU NẠI, TỐ CÁO**

##### **1. Tình hình khiếu nại, tố cáo:**

- Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền luôn được lãnh đạo Đảng ủy, UBND xã quan tâm và chỉ đạo kịp thời. Đến thời điểm báo cáo UBND xã không phát sinh thêm tình hình khiếu nại tố cáo.

a) Về khiếu nại: Trong quý I năm 2026, có 01 vụ việc khiếu nại về lĩnh vực đất đai.

b) Về tố cáo: Trong quý I năm 2026, có 01 vụ Tố cáo về lĩnh vực đất đai

##### **2. Nguyên nhân của tình hình khiếu nại, tố cáo:**

Do công tác tuyên truyền vận động chưa kịp thời các chủ trương đường lối chính sách pháp luật của Đảng, nhà nước đến với cán bộ Đảng viên và nhân dân, các chế độ quyền lợi, do vậy công tác khiếu nại tố cáo trong quý vẫn còn 02 vụ.

#### **II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO**

##### **1 Công tác tiếp công dân (Biểu số 01/TCD, 02/TCD)**

###### **a) Kết quả tiếp công dân:**

Việc thực hiện công tác tiếp công dân theo quy định. Từ 20/11/2025 đến ngày 10/03/2026 thời điểm báo cáo, cá nhân, tổ chức đến để khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh.

Tổng số lượt tiếp, số người được tiếp: 12 lượt; số vụ việc (tiếp lần đầu: 10 lượt, tiếp nhiều lần: 02 lượt);

###### **b) Phân loại đơn, vụ việc qua tiếp công dân:**

- Phân loại theo nội dung (tổng số đơn, số vụ việc);

+ Khiếu nại: 1 đơn.

+ Tố cáo: 1 đơn

+ Phản ánh, kiến nghị: 10 đơn

- Phân loại theo thẩm quyền giải quyết; 12

+ Thuộc thẩm quyền (số đơn, số vụ việc): 12

+ Không thuộc thẩm quyền (số đơn, số vụ việc): 0 có.

**1. Tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn (Biểu số 01/XLD, 02/XLD, 03/XLD, 04/XLD):**

**a) Tổng số đơn:**

Kỳ trước chuyển sang: 0.

Tiếp nhận trong kỳ báo cáo: 12 đơn.

Số đơn đã xử lý/Tổng số đơn đã tiếp nhận: 12 đơn.

Số đơn, số vụ việc đủ điều kiện xử lý: 12 đơn,

**b) Phân loại, xử lý đơn:**

- Phân loại theo nội dung:

Số đơn, số vụ việc khiếu nại; 1 đơn.

Số đơn, số vụ việc tố cáo; 1 đơn.

Số đơn, số vụ việc kiến nghị, phản ánh; 10 đơn.

- Phân loại theo tình trạng giải quyết: 12 đơn.

Số đơn, số vụ việc đã giải quyết; 12 đơn.

Số đơn, số vụ việc đang giải chưa xong; 02 đơn.

Số đơn, số vụ việc chưa giải quyết; 0 đơn.

**c) Kết quả xử lý đơn:**

Số đơn, số vụ việc thuộc thẩm quyền; 12 đơn.

Số đơn, số vụ việc không thuộc thẩm quyền: 0 đơn

**2. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền (Biểu số 01/KQGQ, 02/KQGQ, 03/KQGQ, 04/KQGQ):**

Tổng số đơn, số vụ việc (khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh) đã giải quyết/tổng số đơn, số vụ việc (khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh) phải giải quyết; tỷ lệ giải quyết.

a) Kết quả giải quyết khiếu nại (Biểu số 01/KQGQ, 02/KQGQ):

b) Kết quả giải quyết tố cáo (03/KQGQ, 04/KQGQ):

c) Kết quả giải quyết kiến nghị, phản ánh (nếu có): 09

d) Kết quả hòa giải tranh chấp đất đai của Hội đồng hòa giải:

Hòa giải thành: 0.

Hòa giải không thành; 01.

Đang xác minh hòa giải (nếu có): không có.

**3. Bảo vệ người tố cáo (nếu có):**

Tổng số người được bảo vệ (người tố cáo, thân nhân của người tố cáo); trong đó: Số người được áp dụng biện pháp bảo vệ vị trí công tác, việc làm; số người được áp dụng biện pháp bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân

phẩm: Không có.

**4. Kết quả thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND Tỉnh:** Không có.

### **III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ.**

**1. Ưu điểm:** Được sự quan tâm chỉ đạo của cấp ủy Đảng và cấp trên, UBND xã đã thực hiện, triển khai kịp thời nên không có tình trạng người dân khiếu nại, tố cáo phát sinh.

#### **2. Tồn tại, hạn chế:**

Do việc sắp xếp bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp nên việc bố trí cán bộ làm công tác tiếp công dân kinh nghiệm chưa nhiều. Công tác kiểm tra, đôn đốc cán bộ, công chức, các ban ngành, trong thực hiện các quy định của pháp luật về tiếp nhận, xử lý, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh chưa được thường xuyên, kịp thời dẫn đến thời gian thụ lý, giải quyết còn kéo dài. Công tác phổ biến, tuyên truyền các quy định pháp luật nói chung, pháp luật về khiếu nại, tố cáo nói riêng chủ yếu tổ chức lồng ghép trong các cuộc họp cơ quan, các hội nghị ở thôn.

#### **3. Nguyên nhân:**

Trong thời gian qua các vụ việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tập trung vào lĩnh vực đất đai, chính sách, và các lĩnh vực khác.

Do việc sát nhập các đơn vị hành chính nên một số nhân dân hiểu biết chưa đúng với những cơ chế chính sách dẫn đến việc yêu cầu, đòi hỏi không đúng quy định pháp luật. Có những vụ việc đã được giải quyết nhiều lần với nhiều biện pháp khác nhau, cơ bản là bảo đảm chính sách, pháp luật, có lý, có tình nhưng người kiến nghị vẫn không chấp nhận kết quả giải quyết, thậm chí có những phản ứng tiêu cực, cố chấp, kiến nghị kéo dài.

### **III. DỰ BÁO TÌNH HÌNH**

Cơ quan không có trường hợp người dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

### **IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG KỲ TIẾP THEO.**

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về khiếu nại, tố cáo; công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về: Luật Thanh tra; Luật tiếp công dân; Luật Khiếu nại, Tố cáo Phòng, chống tham nhũng. Nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ.

- Nghiêm túc thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo Thông tư số 06/2025/TT-TTCP ngày 29/9/2025 của Thanh tra Chính phủ về quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

- Tiếp tục quán triệt chỉ đạo, thực hiện nghiêm túc có hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo, các văn bản chỉ đạo của cơ quan cấp trên.

### **V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:**

Cần tăng cường thường xuyên tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác

tiếp dân tại cơ sở.

Trên đây là báo cáo kết quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo quý I năm 2026 và phương hướng, nhiệm vụ quý tiếp theo của UBND xã Ngọc Liên./.

***Nơi nhận:***

- Thanh tra Tỉnh (B/c);
- Chủ tịch ,các PCTUBND xã;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Thị Hà**

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TIẾP CÔNG DÂN THƯỜNG XUYÊN, ĐỊNH KỲ VÀ ĐỘT XUẤT**

Số liệu tính từ ngày 20/11/2025 đến....ngày 10/03/2026

(Kèm theo Báo cáo số: ..... ngày .....tháng.....năm..... của .....)

Đơn vị	Tổng số lượt tiếp	Tổng số người được tiếp	Tổng số vụ việc tiếp	Tiếp thường xuyên										Tiếp định kỳ và đột xuất của Thủ trưởng															
				Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc					Trong đó đoàn đông người					Thủ trưởng tiếp					Ủy quyền tiếp								
						Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc tiếp nhiều lần đầu	Số vụ việc tiếp nhiều lần	Số kỳ tiếp	Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc		Trong đó đoàn đông người			Số kỳ tiếp	Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc		Trong đó đoàn đông người				
															Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc tiếp nhiều lần đầu				Số vụ việc tiếp nhiều lần	Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc tiếp nhiều lần đầu	Số vụ việc tiếp nhiều lần
NL	1=4+13+22	2=5+14+23	3=6+7+15+16+24+25	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
NL	12	12	12	12	12	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

**- Ghi chú:**

**Hướng dẫn cách ghi biểu:**

- Đây là Biểu tổng hợp kết quả chung về tiếp công dân qua công tác tiếp dân thường xuyên, định kỳ và đột xuất của thủ trưởng

- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc

- Cột (1) = (4) + (13) + (22) là Tổng số lượt tiếp, gồm số lượt tiếp thường xuyên và số lượt tiếp của thủ trưởng (trực tiếp hoặc ủy quyền tiếp)

- Cột (2) = (5) + (14) + (23) là Tổng số người được tiếp, bao gồm tiếp thường xuyên và tiếp của thủ trưởng (trực tiếp hoặc ủy quyền tiếp)

- Cột (3) = (6) + (7) + (15) + (16) + (24) + (25): là Tổng số vụ việc tiếp, gồm số vụ việc tiếp thường xuyên và số vụ việc thủ trưởng tiếp (trực tiếp hoặc ủy quyền tiếp)

- Vụ việc tiếp nhiều lần là vụ việc tiếp từ hai lần trở lên: các Cột (7),(11),(16),(20),(25),(29)

- Đoàn đông người là đoàn có từ 5 người trở lên

- Đối với vụ việc tiếp công dân thường xuyên có thủ trưởng tiếp thì chỉ nhập số liệu 1 lần vào mục thủ trưởng tiếp

- Cột (6): Số vụ việc tiếp lần đầu thông qua hoạt động tiếp công dân thường xuyên, bao gồm cả số vụ việc tiếp lần đầu đối với đoàn đông người (cột 10)

- Cột (7): Số vụ việc tiếp từ lần thứ hai trở lên thông qua hoạt động tiếp công dân thường xuyên, bao gồm cả số vụ việc tiếp nhiều lần đối với đoàn đông người (cột 11)

- Tổng số đoàn đông người được tiếp = Cột (8) + (17) + (26)

- Nội dung ghi chú viết vào dòng 30 (nếu có)

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN**

Số liệu tính từ ngày 20/11/2025 đến....ngày 10/03/2026

(Kèm theo Báo cáo số: ..... ngày .....tháng.....năm..... của .....)

Đơn vị	Tổng số đơn phải xử lý			Số đơn đã xử lý	Số đơn chưa xử lý (chuyển kỳ sau xử lý)	Đủ điều kiện xử lý	Phân loại đơn theo nội dung				Phân loại đơn theo tình trạng giải quyết			Kết quả xử lý đơn							Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn	
	Tổng số	Kỳ trước chuyển sang	Tiếp nhận trong kỳ				Số đơn	Số vụ việc	Khiếu nại	Tố cáo	Kiến nghị, phản ánh	Đã giải quyết		Chưa giải quyết xong	Đơn thuộc thẩm quyền				Đơn không thuộc thẩm quyền			
												Lần đầu	Nhiều lần		Tổng số	Khiếu nại	Tố cáo	Kiến nghị, phản ánh	Tổng số	Hướng dẫn		Chuyển đơn
MS	1=2+3=4+5	2	3	4	5	6=8+9+10=11+12+13+14	7	8	9	10	11	12	13	14=15+16+17	15	16	17	18=19+20+21	19	20	21	22
NL	12	0	12	12	0	12	0	1	1	10	10	2	02	12	1	1	10	0	0	0	0	0

**- Ghi chú:**

**Hướng dẫn cách ghi biểu**

- Đây là biểu tổng hợp về kết quả xử lý đơn chung (đơn KN, TC, KNPA), bao gồm đơn nhận được qua tiếp công dân và đơn nhận từ các nguồn khác (gửi qua dịch vụ chuyển phát, cơ quan khác chuyển, ...)

- Số liệu tại Biểu này là số liệu tổng hợp từ các biểu 02/XLD, 03/XLD, 04/XLD

- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc

- Cột (1) = Cột (2) + (3) = (4) + (5)

- Cột (4): Số đơn đã hoàn thành quy trình xem xét về điều kiện xử lý (kết quả cuối cùng: thụ lý giải quyết, lưu, hướng dẫn, chuyển ...) theo quy định; Cột (4) <= Cột (1)

- Cột (5): Số đơn chưa hoàn thành quy trình xem xét về điều kiện xử lý (chuyển kỳ sau xử lý) theo quy định;

- Cột (6) = Cột (8) + (9) + (10) = Cột (11) + (12) + (13) = Cột (14) + (18)

- Cột (7) = Cột (8) thuộc Biểu 02/XLD + Cột (8) thuộc Biểu 03/XLD + Cột (8) thuộc Biểu 04/XLD

- Từ Cột (8) trở đi là số liệu tổng hợp đối với các đơn đủ điều kiện xử lý (đã thống kê tại Cột (6))

- Cột (8): Số đơn khiếu nại đủ điều kiện xử lý = Cột (7) thuộc Biểu 02/XLD

- Cột (9) : Số đơn tố cáo đủ điều kiện xử lý = Cột (7) thuộc Biểu 03/XLD

- Cột (10): Số đơn kiến nghị, phản ánh đủ điều kiện xử lý = Cột (7) thuộc Biểu 04/XLD

- Cột (11), (12), (13): Phân loại đơn theo tình trạng giải quyết, khi tiếp nhận đơn thì vụ việc đã được cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết lần đầu (cột 11), nhiều lần (12) hoặc chưa giải quyết xong (13)

- Cột (12): Là số đơn cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã giải quyết từ 2 lần trở lên (giải quyết KN lần 2, giải quyết TC tiếp khi đã có kết luận nội dung TC lần đầu; giải quyết lần 2 trở lên đối với đơn KNPA)

- Cột (13): Số đơn chưa giải quyết xong, là số đơn công dân tiếp tục gửi đơn mới khi đơn gửi trước đó chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết hoặc đã thụ lý, giải quyết nhưng chưa hoàn thành việc giải quyết

- Cột (14) = (15) + (16) + (17) là tổng số đơn thuộc thẩm quyền giải quyết
- Cột (18) là tổng số đơn không thuộc thẩm quyền = Cột (19) + (20) + (21)
- Cột (22): Thống kê số vụ việc có văn bản đơn đốc hoặc chuyển đơn từ lần thứ 2 trở lên do chưa nhận được kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 23 (nếu có)

**Biểu số: Q2/XLD**

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN KHIẾU NẠI**

**Số liệu tính từ ngày 20/11/2025 đến....ngày 10/03/2026**

(Kèm theo Báo cáo số: ..... ngày .....tháng.....năm..... của .....)

Đơn vị	Tổng số đơn phải xử lý			Đơn đã xử lý			Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc khiếu nại theo nội dung							Phân loại vụ việc khiếu nại theo tình trạng giải quyết			Kết quả xử lý đơn					Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn		
	Tổng số	Số đơn kỳ trước chuyển sang	Số đơn tiếp nhận trong kỳ	Tổng	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Lĩnh vực hành chính				Lĩnh vực tư pháp	Lĩnh vực Đảng, đoàn thể	Lĩnh vực khác	Đã được giải quyết		Chưa giải quyết xong	Vụ việc thuộc thẩm quyền			Vụ việc không thuộc thẩm quyền				
									Tổng	Chế độ, chính sách	Đất đai, nhà cửa	Khác				Lần đầu	Lần 2		Đã có bản án của TAND	Tổng	Lần đầu	Lần 2	Tổng		Hướng dẫn	Đơn đốc giải quyết
NL	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7	8	9=10+11+12	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20=21+22	21	22	23=24+25	24	25	26
	1	0	1	1	0	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0

**- Ghi chú:**

**Hướng dẫn cách ghi biểu**

- Đây là biểu chi tiết về kết quả xử lý đơn khiếu nại nhận được qua tiếp công dân và nhận từ các nguồn khác (gửi qua dịch vụ chuyên phát, cơ quan khác chuyển, ...)

- Số liệu tại Biểu này nằm trong số liệu tổng hợp tại Biểu 01/XLD

- Cột (1) = (2) + (3)

- Cột (4) = (5) + (6): Là tổng số đơn khiếu nại đã hoàn thành quy trình xử lý (ra kết quả cuối cùng) theo quy định, nêu tại các cột từ (20)-(25)

- Cột (7) = Cột (8) ở Biểu số 01/XLD

- Cột (8): Số vụ việc đủ điều kiện xử lý = (9) + (13) + (14) + (15) = (16) + (17) + (18) + (19) = (20) + (23)

- Từ Cột (9) trở đi là số liệu tổng hợp đối với các vụ việc khiếu nại đủ điều kiện xử lý (thống kê tại Cột (8))

- Cột (10) Chế độ, chính sách như: việc thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động, người có công,...

- Cột (11) Đất đai, nhà cửa như: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, cấp giấy chứng nhận QSDT, thu hồi, đòi đất, nhà,...

- Cột (13) Lĩnh vực tư pháp như: Điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án,...

- Cột (14) Lĩnh vực Đảng, đoàn thể như: liên quan đến vi phạm điều lệ, kỷ luật Đảng, đoàn thể...

- Cột (16): đã có quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của cơ quan có thẩm quyền

- Cột (17): đã có quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 của cơ quan có thẩm quyền

- Cột (19): Số vụ việc khiếu nại công dân gửi đơn lần đầu hoặc đã gửi đơn nhưng chưa được giải quyết, đang giải quyết (chưa hoàn thành việc giải quyết)

- Cột (20) = (21) + (22)

- Cột (21): Số vụ việc khiếu nại lần đầu thuộc thẩm quyền giải quyết

- Cột (22): Số vụ việc khiếu nại lần hai thuộc thẩm quyền giải quyết

- Cột (23) = (24) + (25)

- Cột (26): Thống kê số vụ việc có văn bản đơn đốc hoặc chuyển đơn từ lần thứ 2 trở lên do chưa nhận được kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền

- Nội dung ghi chú viết vào dòng 27 (nếu có)

**Biểu số: 03/XLD**

## TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN TỐ CÁO

**Số liệu tính từ ngày 20/11/2025 đến....ngày 10/03/2026**

(Kèm theo Báo cáo số: ..... ngày ..... tháng .... năm ..... của .....)

Đơn vị	Tổng số đơn phải xử lý			Đơn đã xử lý			Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc tố cáo theo nội dung										Phân loại vụ việc tố cáo theo tình trạng giải quyết			Kết quả xử lý đơn				Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn	
	Tổng số	Đơn ký trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Tổng	Đơn ký trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Lĩnh vực hành chính					Tham nhũng	Lĩnh vực Tư pháp	Lĩnh vực Đảng, đoàn thể	Lĩnh vực Khác	Tố cáo tiếp	Chưa giải quyết	Vụ việc thuộc thẩm quyền			Vụ việc không thuộc thẩm quyền				
									Tổng cộng	Chế độ, chính sách	Đất đai, nhà cửa	Công chức, công vụ	Khác							Tổng số	Tố cáo lần đầu	Tố cáo tiếp	Tổng số	Chuyển đơn	Đơn đốc giải quyết		
NL	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7	8=9+14+15+16+17=18+19+20=21+24	9=10+11+12+13	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21=22+23	22	23	24=25+26	25	26	27
	1	0	1	1	0	1	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0

**- Ghi chú:**

***Hướng dẫn cách ghi biểu***

- Đây là biểu chi tiết về kết quả xử lý đơn tố cáo, bao gồm đơn tố cáo nhận được qua tiếp công dân và nhận từ các nguồn khác

- Số liệu tại Biểu này nằm trong số liệu tổng hợp tại Biểu 01/XLD

- Cột (1) = Cột (2) + (3).

- Cột (4) = (5) + (6): Là tổng số đơn tố cáo đã hoàn thành quy trình xử lý (ra kết quả cuối cùng) theo quy định, nêu tại các cột từ (21)-(26)

- Cột (7) = Cột (9) ở Biểu 01/XLD

- Cột (8) = (9) + (14) + (15) + (16) + (17) = (18) + (19) + (20) = (21) + (24)

- Từ Cột (9) trở đi là số liệu tổng hợp đối với các vụ việc tố cáo đủ điều kiện xử lý (thống kê tại Cột (8))

- Cột (10) Chế độ, chính sách như: việc thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động, người có công,...

- Cột (11) Đất đai, nhà cửa như: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, cấp giấy chứng nhận QSDT, thu hồi, đòi đất, nhà,...

- Cột (15) Lĩnh vực tư pháp như: Điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án,...

- Cột (16) Lĩnh vực Đảng, đoàn thể như: liên quan đến vi phạm điều lệ, kỷ luật Đảng, Đoàn thể,...

- Cột (20): Số vụ việc tố cáo công dân gửi đơn lần đầu hoặc đã gửi đơn nhưng chưa được giải quyết, đang giải quyết (chưa hoàn thành việc giải quyết)

- Cột (21) = Cột (22) + (23)

- Cột (24) = Cột (25) + (26)

- Cột (27): Thống kê số vụ việc có văn bản đơn đốc hoặc chuyển đơn từ lần thứ 2 trở lên do chưa nhận được kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền

- Nội dung ghi chú viết vào dòng 28 (nếu có)

**Biểu số: 04/XLD**

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ, GIẢI QUYẾT ĐƠN KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH**

Số liệu tính từ ngày 20/11/2025 đến....ngày 10/03/2026

(Kèm theo Báo cáo số: ..... ngày ..... tháng .... năm ... của .....)

Đơn vị	Tổng số đơn phải xử lý			Đơn đã xem xét về điều kiện xử lý			Đơn đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc theo nội dung				Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết		Kết quả xử lý đơn			Kết quả giải quyết vụ việc thuộc thẩm quyền		
	Tổng số đơn	Số đơn kỳ trước chuyển sang	Số đơn tiếp nhận kỳ	Tổng số	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Chế độ, chính sách	Đất đai	Tur pháp	Khác	Đã được giải quyết	Chưa được giải quyết	Vụ việc thuộc thẩm quyền	Vụ việc không thuộc thẩm quyền			Số vụ việc đã giải quyết	Số vụ việc chưa giải quyết
																Tổng số	Chuyển đơn	Đơn đốc giải quyết		
NL	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7	8=9+10+11+12=13+14=15+18	9	10	11	12	13	14	15	16 = 17+18	17	18	19	20
	10	0	10	10	0	10	10	10	0	8		2	10	0	10	0	0	0	0	0

**- Ghi chú:**

**Hướng dẫn cách ghi biểu**

- Đây là biểu chi tiết về kết quả xử lý đơn KN, PA nhận được qua tiếp công dân và nhận từ các nguồn khác (gửi qua dịch vụ chuyển phát, cơ quan khác chuyển,...)

- Số liệu tại Biểu này nằm trong số liệu tổng hợp tại Biểu 01/XLD

- Cột (1) = Cột (2) + (3)

- Cột (4) = Cột (5) + (6): Là tổng số đơn KN, PA đã được xem xét về điều kiện xử lý (đủ hay không đủ điều kiện xử lý)

- Cột (7) = Cột (13) ở Biểu 01/XLD

- Cột (8) = Cột (9) + (10) + (11) + (12) = Cột (13) + (14) = Cột (15) + (18)

- Từ Cột (9) trở đi là số liệu tổng hợp đối với các vụ việc KN, PA đủ điều kiện xử lý (thống kê tại Cột (8))

- Cột (13): Khi tiếp nhận đơn, vụ việc đã được cơ quan có thẩm quyền giải quyết và có kết luận, trả lời người KN, PA

- Cột (14): Khi tiếp nhận đơn, vụ việc chưa được giải quyết hoặc đã được thụ lý, giải quyết nhưng chưa hoàn thành việc giải quyết KN, PA

- Cột (15): Tổng số vụ việc KN, PA thuộc thẩm quyền giải quyết

- Cột (16): Tổng số vụ việc KN, PA không thuộc thẩm quyền giải quyết

- Cột (17): Tổng số vụ việc KN, PA không thuộc thẩm quyền có văn bản chuyển đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết

- Cột (18): Thống kê số vụ việc có văn bản đơn đốc hoặc chuyển đơn từ lần thứ 2 trở lên do chưa nhận được kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền

- Cột (19): Tổng số vụ việc KN, PA thuộc thẩm quyền (thống kê tại cột 15) đã được giải quyết và có kết luận, trả lời người KN, PA trong kỳ báo cáo

- Cột (20): Tổng số vụ việc KN, PA thuộc thẩm quyền (thống kê tại cột 15) đang được giải quyết hoặc chưa được giải quyết

- Nội dung ghi chú viết vào dòng 21 (nếu có)

**Biểu số: 01/KQQQ**

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI THUỘC THẨM QUYỀN**

**Số liệu tính từ ngày 20/11/2025 đến....ngày 10/03/2026**

(Kèm theo Báo cáo số: ..... ngày ..... tháng .... năm ..... của .....)

**Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng), đất (m<sup>2</sup>)**

Đơn vị	Đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền				Tổng số vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền	Kết quả giải quyết														Phân tích kết quả giải quyết (vụ việc)							
	Tổng số	Kỳ trước chuyển sang	Tiếp nhận trong kỳ	Số vụ việc rút đơn thông qua giải thích, thuyết phục		Đã giải quyết		Kiến nghị thu hồi cho Nhà nước		Trả lại cho tổ chức, cá nhân				Kiến nghị xử lý hành chính		Chuyển cơ quan điều tra		Giải quyết lần đầu		Giải quyết lần 2		Chấp hành thời hạn giải quyết					
						Số vụ việc giải quyết bằng QĐ hành chính	Số vụ việc rút đơn thông qua giải thích, thuyết phục	Tiền (Trd)	Đất (m <sup>2</sup> )	Tổ chức		Cá nhân		Số tổ chức được trả lại quyền lợi	Số cá nhân được trả lại quyền lợi	Tổng số người bị kiến nghị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Tổng số người	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Khiếu nại đúng	Khiếu nại sai	Khiếu nại đúng một phần	Công nhận QĐ g/q lần đầu	Hủy, sửa QĐ g/q lần đầu	Đúng quy định	Không đúng quy định
										Tiền (Trd)	Đất (m <sup>2</sup> )	Tiền (Trd)	Đất (m <sup>2</sup> )														
NL	1=2+3	2	3	4	5=20+21+22+23+24	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	
	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

**- Ghi chú:**

**Hướng dẫn cách ghi biểu**

- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc
- Cột (1) = Cột (2) + (3) = Cột (15) thuộc Biểu 01/XLD
- Cột (4) = Cột (20) thuộc Biểu 02/XLD
- Cột (5) = Cột (20) + (21) + (22) + (23) + (24)
- Cột (6): Chỉ thống kê các vụ việc rút toàn bộ nội dung; trường hợp không rút toàn bộ thì không thống kê vào cột này
- Từ Cột (7) trở đi là số liệu tổng hợp, phân tích đối với kết quả giải quyết các vụ việc khiếu nại (thống kê tại Cột (5), (6))
- Cột (15): Thống kê số người bị kiến nghị xử lý hành chính do vi phạm liên quan đến khiếu nại và giải quyết khiếu nại
- Cột (16): Thống kê số cán bộ, công chức, viên chức bị kiến nghị xử lý hành chính do vi phạm liên quan đến khiếu nại và giải quyết khiếu nại (<= Cột 15)
- Cột (19): Thống kê số vụ việc bị kiến nghị chuyển cơ quan điều tra tiếp tục xử lý do vi phạm liên quan đến khiếu nại và giải quyết khiếu nại

- Cột (18): Thống kê số đối tượng bị kiến nghị chuyển cơ quan điều tra tiếp tục xử lý do vi phạm liên quan đến khiếu nại và giải quyết khiếu nại
- Cột (19): Thống kê số cán bộ, công chức, viên chức bị kiến nghị chuyển cơ quan điều tra tiếp tục xử lý do vi phạm liên quan đến khiếu nại và giải quyết khiếu nại (<= Cột 18)
- Cột (25): Thống kê số vụ việc chấp hành đúng quy định về thời hạn giải quyết khiếu nại
- Cột (26): Thống kê số vụ việc chấp hành không đúng quy định về thời gian giải quyết khiếu nại
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 27 (nếu có)

**Biểu số: 02/KQQQ**

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI**

**Số liệu tính từ ngày 20/11/2025 đến....ngày 10/03/2026**

(Kèm theo Báo cáo số: ..... ngày ..... tháng .... năm ... của .....)

**Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng), đất (m<sup>2</sup>)**

Đơn vị	Tổng số quyết định phải thực hiện trong kỳ	Số quyết định đã thực hiện xong	Thu hồi cho nhà nước				Trả lại cho tổ chức, cá nhân								Đã xử lý hành chính		Đã khởi tố		
			Phải thu		Đã thu		Phải trả				Đã trả				Tổng số người bị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Số người	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức
			Tiền (Trđ)	Đất (m <sup>2</sup> )	Tiền (Trđ)	Đất (m <sup>2</sup> )	Tổ chức		Cá nhân		Tổ chức		Cá nhân						
			Tiền (Trđ)	Đất (m <sup>2</sup> )	Tiền (Trđ)	Đất (m <sup>2</sup> )	Tiền (Trđ)	Đất (m <sup>2</sup> )	Tiền (Trđ)	Đất (m <sup>2</sup> )	Tiền (Trđ)	Đất (m <sup>2</sup> )	Tiền (Trđ)	Đất (m <sup>2</sup> )	Tiền (Trđ)	Đất (m <sup>2</sup> )			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
NL	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

**- Ghi chú:**

**Hướng dẫn cách ghi biểu**

- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc
- Cột (1): Số quyết định giải quyết khiếu nại phải thực hiện trong kỳ, bao gồm số quyết định chưa thực hiện xong của kỳ báo cáo trước chuyển sang và số quyết định ban hành trong kỳ báo cáo phải thực hiện
- Cột (2) Số quyết định giải quyết khiếu nại đã thực hiện xong trong kỳ báo cáo
- Cột (15): Thống kê số người đã xử lý hành chính do vi phạm liên quan đến khiếu nại và giải quyết khiếu nại
- Cột (16): Thống kê số cán bộ, công chức, viên chức đã xử lý hành chính do vi phạm liên quan đến khiếu nại và giải quyết khiếu nại (<= Cột 15)
- Cột (18): Thống kê số người đã khởi tố do vi phạm liên quan đến khiếu nại và giải quyết khiếu nại
- Cột (19): Thống kê số cán bộ, công chức, viên chức đã khởi tố do vi phạm liên quan đến khiếu nại và giải quyết khiếu nại (<= Cột 18)
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 20 (nếu có)

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TỐ CÁO THUỘC THẨM QUYỀN**

Số liệu tính từ ngày 20/11/2025 đến....ngày 10/03/2026

(Kèm theo Báo cáo số: ..... ngày ..... tháng .... năm ... của .....)

Đơn vị	Đơn tố cáo thuộc thẩm quyền				Tổng số vụ việc tố cáo thuộc thẩm quyền	Trong đó số vụ việc tố cáo tiếp	Kết quả giải quyết																Phân tích kết quả giải quyết (vụ việc)				Chấp hành thời hạn giải quyết					
	Tổng số	Kỳ trước chuyên sang	Tiếp nhận trong kỳ				Đã giải quyết						Kiến nghị thu hồi cho Nhà nước		Trả lại cho tổ chức, cá nhân				Số tổ chức được trả lại quyền lợi	Số cá nhân được trả lại quyền lợi	Kiến nghị xử lý hành chính		Chuyển cơ quan điều tra		Tố cáo đúng	Trong đó tố cáo tiếp đúng	Tố cáo sai	Trong đó tố cáo tiếp sai	Tố cáo có đúng, có sai	Trong đó tố cáo tiếp có đúng, có sai	Đúng quy định	Không đúng quy định
							Tổng số	Số vụ việc lần đầu	Số vụ việc tố cáo tiếp	Số vụ việc rút toàn bộ nội dung tố cáo	Số vụ việc đình chỉ không đo rút tố cáo	Tiền (Trđ)	Đất (m <sup>2</sup> )	Tổ chức	Cá nhân	Tiền (Trđ)	Đất (m <sup>2</sup> )	Tiền (Trđ)			Đất (m <sup>2</sup> )	Số người bị kiến nghị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số đối tượng								
NL	1=2+3	2	3	4	5	6=7+8+9+10 =30+31>=24+26+28	7	8=25+27+29	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	
	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

**- Ghi chú:**

**Hướng dẫn cách ghi biểu**

- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc
- Cột (1) = Cột (2) + (3) = Cột (20) thuộc Biểu 01/XLD
- Cột (4) = Cột (26) thuộc Biểu 03/XLD
- Cột (5): Số vụ việc tố cáo tiếp thuộc thẩm quyền, số liệu nằm trong số liệu vụ việc tố cáo thuộc thẩm quyền thống kê tại Cột (4)
- Cột (6)= (7) + (8) + (9) + (10)= (30) + (31) >= Cột (24) + (26) + (28)
- Cột (8): Tổng số vụ việc tố cáo tiếp đã được giải quyết = Cột (25) + (27) + (29)
- Từ Cột (11) trở đi là số liệu tổng hợp, phân tích đối với kết quả giải quyết các vụ việc tố cáo đã thống kê ở Cột (6)
- Cột (19): Thống kê số người bị kiến nghị xử lý hành chính theo kết luận nội dung tố cáo và xử lý tố cáo
- Cột (20): Thống kê số cán bộ, công chức, viên chức bị kiến nghị xử lý hành chính theo kết luận nội dung tố cáo và xử lý tố cáo (<= Cột 19)
- Cột (22): Thống kê số đối tượng bị kiến nghị chuyển cơ quan điều tra tiếp tục xử lý theo kết luận nội dung tố cáo và xử lý tố cáo
- Cột (23): Thống kê số cán bộ, công chức, viên chức bị kiến nghị chuyển cơ quan điều tra tiếp tục xử lý theo kết luận nội dung tố cáo và xử lý tố cáo (<= Cột 22)
- Cột (25): Tổng số vụ việc tố cáo tiếp được kết luận là tố cáo tiếp đúng, số liệu nằm trong số liệu tổng hợp tại Cột (24)
- Cột (27): Tổng số vụ việc tố cáo tiếp được kết luận là tố cáo tiếp sai, số liệu nằm trong số liệu tổng hợp tại Cột (26)
- Cột (29): Tổng số vụ việc tố cáo tiếp được kết luận là tố cáo tiếp có đúng, có sai, số liệu nằm trong số liệu tổng hợp tại Cột (28)
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 32 (nếu có)

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN NỘI DUNG TỐ CÁO**

**Số liệu tính từ ngày 20/11/2025 đến....ngày 10/03/2026**

(Kèm theo Báo cáo số: ..... ngày ..... tháng ..... năm ... của .....)

Đơn vị	Tổng số kết luận phải thực hiện	Số kết luận đã thực hiện xong	Thu hồi cho Nhà nước		Trả lại cho tổ chức, cá nhân								Đã xử lý hành chính			Đã khôi tổ								
			Phải thu		Đã thu		Phải trả				Đã trả				Tổng số tổ chức bị xử lý	Tổng số cá nhân bị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Số đối tượng	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức				
			Tiền (Trđ)	Đất (m <sup>2</sup> )	Tiền (Trđ)	Đất (m <sup>2</sup> )	Số tổ chức phải được trả lại quyền lợi	Số cá nhân phải được trả lại quyền lợi	Tổ chức		Cá nhân		Số tổ chức đã được trả lại quyền lợi	Số cá nhân đã được trả lại quyền lợi							Tổ chức		Cá nhân	
			Tiền (Trđ)	Đất (m <sup>2</sup> )	Tiền (Trđ)	Đất (m <sup>2</sup> )			Tiền (Trđ)	Đất (m <sup>2</sup> )	Tiền (Trđ)	Đất (m <sup>2</sup> )			Tiền (Trđ)	Đất (m <sup>2</sup> )	Tiền (Trđ)	Đất (m <sup>2</sup> )						
NL	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

**- Ghi chú:**

**Hướng dẫn cách ghi biểu**

- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc
- Cột (1): Số kết luận nội dung tố cáo, xử lý tố cáo phải thực hiện trong kỳ (bao gồm số kết luận, xử lý tố cáo chưa thực hiện xong của kỳ báo cáo trước chuyển sang và số kết luận xử lý tố cáo ban hành trong kỳ báo cáo phải thực hiện)
- Cột (2) Số kết luận nội dung tố cáo, xử lý tố cáo đã thực hiện xong trong kỳ báo cáo
- Cột (19): Thống kê số tổ chức đã xử lý hành chính theo kết luận nội dung tố cáo và xử lý tố cáo
- Cột (21): Thống kê số cán bộ, công chức, viên chức đã xử lý hành chính theo kết luận nội dung tố cáo và xử lý tố cáo (<= Cột 20)
- Cột (23): Thống kê số đối tượng đã chuyển cơ quan điều tra tiếp tục xử lý theo kết luận nội dung tố cáo và xử lý tố cáo
- Cột (24): Thống kê số cán bộ, công chức, viên chức đã chuyển cơ quan điều tra tiếp tục xử lý theo kết luận nội dung tố cáo và xử lý tố cáo (<= Cột 23)
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 25 (nếu có)